

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-PT
Ngày: 05 - 5 - 2020
“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Phần

Ông Nguyễn Đức Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2019/DSPT ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐ-PT, ngày 06 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1941. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật cho bà Hoàng Thị S:

1.1. Chị Bùi Thị C, sinh năm 1967 (con bà S). Có mặt.

Trú tại: Xóm 9B, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An.

1.2. Anh Bùi Gia B, sinh năm 1972 (con bà S). Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã P, huyện T.

2. Bị đơn: Ông Trần Công X, sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 8, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Trần Công X: Bà Đặng Thị Hương Lan, Văn phòng Luật sư Đặng Thị Hương Lan - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Công X.

5. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn là bà Hoàng Thị S và người đại diện trình bày như sau: Bà Hoàng Thị S kết hôn với ông Trần Công H (sinh năm 1935) vào năm 1987 và đến ngày 12/3/1991 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung với nhau, trước khi bà Hoàng Thị S kết hôn với ông Trần Công H, thì bà có 02 người con riêng tên là Bùi Thị C và Bùi Gia B, còn ông Trần Công H chưa kết hôn và có con với ai cả. Khi bà Hoàng Thị S kết hôn với ông Trần Công H về ở với nhau có 01 thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 có diện tích 1.250 m² (nay theo đo đạc mới có số thửa 294, tờ bản đồ số 24) tại xóm 8, xã C, huyện T, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/1998 mang tên Trần Công H. Năm 2012 ông Trần Công H chết không để lại di chúc, bố mẹ ông Trần Công H là ông Trần Công T mất năm 1966 và bà Nguyễn Thị T mất năm 1991. Sau khi ông Trần Công H mất, vì tuổi già sức yếu cho nên năm 2013 bà đã sang nhà con gái là Bùi Thị C để ở và thường đi về quét dọn ngôi nhà và hương khói cho chồng là ông Trần Công H. Trong thời gian bà đi vắng cháu họ của ông Trần Công H là ông Trần Công X đã tự ý đến tháo dỡ đồ gỗ, ngói Prô xi măng trên nhà của bà, lấp giếng nước, lấy tài sản trong nhà, chặt nhiều cây trong vườn và chiếm dụng thửa đất của bà và cho rằng bà không có quyền được sử dụng thửa đất.

Do hiện nay bà Hoàng Thị S đang bị bệnh tâm thần và đang điều trị, cho nên thống nhất chị Bùi Thị C và anh Bùi Gia B là người đại diện cho bà Hoàng Thị S tham gia giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Nay bà Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu ông Trần Công X trả lại toàn bộ thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24, có diện tích đo thực tế là 992 m² tại xóm 8, xã C, huyện T, trị giá: 99.200.000 đồng và các tài sản nằm trên thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24, như ngôi nhà ngói 02 gian lợp ngói và các cây cối nằm trên thửa đất như cây trám, cây sòng, cây mít. Tuy ngôi nhà ngói 02 gian ông Trần Công X đã có công sửa lại phần đồ gỗ phía trên và lợp ngói và lát nền nhà bằng gạch hoa và quét lại vôi tường; đối với ô bếp đã hỏng chỉ còn lại 03 bức tường không còn giá trị nữa, nên không yêu cầu. Vì thửa đất này là tài sản chung của bà Hoàng Thị S và ông Trần Công H, nay ông Trần Công H chết không để lại di chúc, hiện tại không còn cha mẹ và ông Trần Công H cũng không có con cái, cho nên bà Hoàng Thị S là người duy nhất được quyền sử dụng thửa đất này.

Chị Bùi Thị C và anh Bùi Gia B không có yêu cầu gì cho cá nhân 02 người đối với khối tài sản đang tranh chấp này, vì đây là tài sản của bà Hoàng Thị S và ông Trần Công H, nay ông Trần Công H đã chết. Cho nên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Hoàng Thị S. Đề nghị ông Trần Công X trả lại toàn bộ thửa đất số

294, tờ bản đồ số 24, tại xóm 8, xã C, huyện T và 01 ngôi nhà ngói 02 gian và các cây cối nằm trên thửa đất cho bà Hoàng Thị S. Ngoài ra, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm, các yêu cầu khác có trong đơn khởi kiện, nguyên đơn không còn yêu cầu nữa, mà chỉ yêu cầu trả lại thửa đất và ngôi nhà ngói 02 gian và các cây cối có trên thửa đất.

Bị đơn là ông Trần Công X trình bày như sau:

Ông với bà Hoàng Thị S có quan hệ là cháu với mẹ, vì bà Hoàng Thị S lấy em trai của bố ông, nên ông gọi bà Hoàng Thị S là mẹ. Ông thừa nhận bà Hoàng Thị S kết hôn hợp pháp với chú ruột ông là ông Trần Công H vào năm 1991.

Thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 (nay theo đo đạc mới có số thửa 294, tờ bản đồ số 24) tại xóm 8, xã C, huyện T, trước đây là của ông bà ông, ông bà ông (ông Trần Công T chết năm 1966 và bà Nguyễn Thị T chết năm 1991) nuôi chú ông là ông Trần Công H cho đến khi qua đời, sau đó chú ông là Trần Công H tiếp tục sử dụng thửa đất này cho đến khi bà Hoàng Thị S về sống và kết hôn với chú ông là Trần Công H vào năm 1991.

Ngày 10/12/2012 thì chú ông qua đời, sau một thời gian thì chị Bùi Thị C đưa bà Hoàng Thị S về bên nhà chị Bùi Thị C ở, để trồng vườn tược chú ông, nên ông đã sang sửa sang lại ngôi nhà này của chú ông để thờ cúng, chứ ông không phá ngôi nhà như bà Hoàng Thị S khởi kiện ông. Sau khi ông sửa nhà xong (lợp lại ngói, thay phần đồ gỗ phía trên, lát lại gạch nền và quét lại vôi tường, thì ông có nói là mời bà Hoàng Thị S về bên nhà mà ở, thì chị Bùi Thị C là con bà Hoàng Thị S không cho bà Hoàng Thị S về bên nhà này.

Ngôi nhà 02 gian hiện tại là trên cơ sở ngôi nhà cũ của chú ông, nên ông tu sửa lại. Tiền tu sửa là của riêng cá nhân ông và do anh em góp lại cho ông, để ông tu sửa lại ngôi nhà, chứ không liên quan gì đến vợ con ông, tiền tu sửa ngôi nhà này không liên quan gì đến vợ con ông cả.

Ông thừa nhận bà Hoàng Thị S là người thừa hưởng hợp pháp thửa đất này, vì chú ông chết, không có con cái, bà Hoàng Thị S là vợ hợp pháp của chú ông, thì bà Hoàng Thị S có quyền được ở và sử dụng thửa đất đó.

Nay bà Hoàng Thị S khởi kiện nói ông lấn chiếm thửa đất này và phá tài sản của bà Hoàng Thị S là không đúng, ông không lấn chiếm hay phá gì tài sản trên thửa đất này cả, ông chỉ sang sửa sang lại ngôi nhà để có nơi thờ cúng chú ông.

Ông đề nghị bà Hoàng Thị S về ở và sử dụng thửa đất đó, chứ không được bán hay tặng cho bất cứ ai thửa đất này, vì đây còn là nơi thờ cúng chú ông và ông bà của ông nữa, ông không đồng ý trả lại cho bà Hoàng Thị S là sợ bà tặng cho con gái là chị Bùi Thị C, rồi chị Bùi Thị C lại bán đi cho người khác, ông biết thửa đất này đã được UBND huyện Thanh Chương cấp bìa đỏ đứng tên ông Trần Công H vào năm 1998.

Tại bản án số 43/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 5, 9 Điều 26; Điều 147; 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 255, 256, 603, 631, 634, 635, 674, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hoàng Thị S về việc yêu cầu trả lại thửa đất và tài sản trên thửa đất.

2. Buộc ông Trần Công X, trả lại cho bà Hoàng Thị S như sau:

2.1. Trả lại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24, có diện tích đo thực tế là 992 m² thuộc xóm 8, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An, trị giá: 99.200.000 (Chín mươi chín triệu, hai trăm ngàn) đồng.

2.2. Trả lại cho bà Hoàng Thị S 01 ngôi nhà ngói 02 gian lợp ngói, cánh cửa bằng gỗ ván ghép lại, nền lát gạch hoa, trị giá: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng nằm trên thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24 tại xóm 8, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An.

2.3. Trả lại toàn bộ cho bà Hoàng Thị S các cây cối gồm: 08 cây sông; 04 cây trám; 07 cây mít nằm trên thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24 tại xóm 8, xã C, huyện T, trị giá: 9.100.000 (Chín triệu một trăm ngàn) đồng. (Chi tiết thửa đất có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Hoàng Thị S có trách nhiệm trích trả công tôn tạo, trông coi và bảo quản ngôi nhà và thửa đất cho ông Trần Công X, với số tiền là: 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

- Ngày 04/11/2019, bị đơn ông Trần Công X làm đơn kháng cáo với các nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 43 ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 42 ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương.

- Ngày 06/11/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương đã có Quyết định Kháng nghị số 736/KN-VKS-DS với nội dung:

+ Điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ:

Chưa xác minh làm rõ việc di dời dân từ nơi khác về nơi ở hiện tại được thực hiện như thế nào, khi di dời nhà nước có thu hồi đất cũ để cấp đất tái định cư mới hay không, đất mới là do nhà nước cấp theo sổ thừa, sổ diện tích cụ thể hay để người dân tự khai hoang và nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 962 chỉ cấp cho ông Trần Công H hay cấp cho cả ông Trần Công H và bà Nguyễn

Thị T; cũng chưa xác minh tại cơ quan quản lý hộ tịch, hộ khẩu địa phương để làm rõ bà Trần Thị Hùng là ai (tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Công X trình bày bà Trần Thị Hùng và bà Nguyễn Thị T là 1 người); số 5a, 5b được lập trước hay lập sau sổ mục kê; cũng chưa thu thập hồ Sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Công H, làm rõ quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào tại UBND huyện Thanh Chương để xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Công H là thiếu sót.

+ Không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Công X trình bày ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị T có 6 người con chung nhưng Tòa án chưa xác minh làm rõ 06 người con của ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị T gồm những ai, hiện nay ai còn sống, ai đã chết, chết thời điểm nào, vợ con của người đã chết gồm những ai?

Không xác minh làm rõ những người thừa kế hàng thứ nhất của bà Nguyễn Thị T để xây dựng và triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nguồn gốc nhà đất tranh chấp có liên quan đến bà T hay không để có cơ sở giải quyết vụ án là thiếu sót.

+ Bản án tuyên không chính xác gây khó khăn cho việc thi hành án:

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02 tháng 10 năm 2019 (bút lục số 89) thể hiện trên thửa đất số 294, tờ bản đồ số 24 có 02 cây sông, 04 cây mít và 01 cây trám. Bản án sơ thẩm nhận định thửa đất nêu trên có 02 cây sông, 07 cây mít và 04 cây trám nhưng phần quyết định của bản án lại buộc ông Trần Công X phải trả cho bà Hoàng Thị S 08 cây sông, 04 cây trám, 07 cây mít là không phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Bản án dân sự sơ thẩm đã vi phạm pháp luật dân sự, những vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Trần Công X vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Công X, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Công X, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận: Bà Hoàng Thị S kết hôn với ông Trần Công H (sinh năm 1935) vào ngày 12/3/1991, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Khi bà S kết hôn với ông Hoàng thì đã có thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 (nay theo đo đạc mới có số thửa 294, tờ bản đồ số 24) có diện tích 843m² tại xóm 8, xã C, huyện T, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/1998 mang tên Trần Công H, bà Nguyễn Thị T đã sống cùng ông Hoàng trên thửa đất này từ khi di dân năm 1976 đến khi chết (năm 1991). Năm 2012, ông Trần Công H chết không để lại di chúc, bố mẹ ông Trần Công H là ông Trần Công T chết năm 1966 và bà Nguyễn Thị T chết năm 1991.

[1.2] Về nguồn gốc thửa đất: Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 (nay theo đo đạc mới có số thửa 294, tờ bản đồ số 24) có diện tích 843m² tại xóm 8, xã C, huyện T có trước khi bà S kết hôn với ông Hoàng. Tuy nhiên, bị đơn là ông Trần Công X cho rằng thửa đất có nguồn gốc của ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ của ông Nguyễn Công H) để lại. Bà Trần Thị N, bà Trần Thị H (con của ông T, bà T) cho rằng đất do bố mẹ để lại, ông Hoàng là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Cát Văn (BL 96) thể hiện: Năm 1976 thực hiện việc di dân từ nơi khác về nơi hiện tại, lúc đó có ông Trần Công H và mẹ ông là bà T di dân vào, ông Trần Công H đã được Nhà nước cấp cho thửa đất này, cho nên các giấy tờ quản lý nhà nước đều mang tên ông Trần Công H.

Tại sổ 5a, 5b lưu tại Ủy ban nhân dân xã Cát Văn thể hiện chủ sử dụng thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 là bà Trần Thị H. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông X, bà H, bà N đều khẳng định đó là tên của bà T lấy theo tên con gái là bà Trần Thị Hùng.

[1.3] Như vậy, lời khai của các nguyên đơn, bị đơn và lời trình bày của bà Ngũ, bà Hùng cũng như nội dung xác minh tại UBND xã Cát Văn còn có sự mâu thuẫn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chưa xác minh làm rõ việc di dời dân từ nơi khác về nơi ở hiện tại được thực hiện như thế nào, khi di dời nhà nước có thu hồi đất cũ để cấp đất tái định cư mới hay không, đất mới là do nhà nước cấp theo số thửa, số diện tích cụ thể hay để người dân tự khai hoang và nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; thửa đất số 962 chỉ cấp cho ông Trần Công H hay cấp cho cả ông Trần Công H và bà Nguyễn Thị T;

cũng chưa xác minh tại cơ quan quản lý hộ tịch, hộ khẩu địa phương để làm rõ bà Trần Thị Hùng là ai (tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Công X trình bày bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thị T là 1 người).

[1.4] Cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh các nội dung trên theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương và thu thập các tài liệu liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Trần Công H. Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Cát Văn khẳng định: Bố ông Trần Công H là ông Trần Công T chết khoảng năm 1966, ông Trương chết khi đang ở ngoài bãi, chưa di dân vào nơi ở hiện tại. Năm 1976 thực hiện chủ trương của nhà nước về việc di dân từ ngoài vùng bãi, lúc đó ông Trần Công H và mẹ là bà Nguyễn Thị T cùng di dân vào vùng hiện tại và được chính quyền cấp cho một thửa đất, cấp không có giấy tờ, lúc đó ông Hoàn là chủ nên đất mang tên ông Hoàn. Sau này khi có chủ trương kê khai của Nhà nước thì thửa đất này mới có sổ thửa và tờ bản đồ và mang tên ông Trần Công H, khi cấp theo diện di dân không có sổ thửa và diện tích cụ thể. Thời điểm di dân năm 1976 nhà nước không có quyết định thu hồi đất, khi giao đất cho ông Hoàn cũng không có quyết định giao đất.

Trong sổ 5a, 5b lưu tại Ủy ban nhân dân xã Cát Văn chủ sử dụng là bà Trần Thị Hùng, bà Hùng là chị gái ông H và không sinh sống trên địa bàn. Ủy ban nhân dân xã C cho rằng, sở dĩ trong sổ ghi tên bà Trần Thị H là do có thể trước đây hay gọi tên cha mẹ theo tên con, từ năm 1980 trở lại nay trên địa bàn xã không có ai tên là Trần Thị H như trong sổ phản ánh.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông Trần Công H là người tàn tật bẩm sinh, thực tế ông Hoàn được hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người tàn tật không có khả năng tự phục vụ, được bà Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ, ông Trần Công H sống cùng với bà T từ nhỏ cho đến khi bà T chết, hai mẹ con sống trên thửa đất số 962, tờ bản đồ số 7 (nay theo đo đạc mới có số thửa 294, tờ bản đồ số 24) tại xóm 8, xã C, huyện T từ năm 1976 cho đến khi bà T chết (năm 1991).

Như vậy, thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là đất di dân từ ngoài bãi của ông Nguyễn Công Hoàn và bà Nguyễn Thị T, bà T sống trên thửa đất từ năm 1976 đến năm 1991 cùng với ông Nguyễn Công H, ông H là người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ diện tích đất và các tài sản trên đất mà không xem xét đến nguồn gốc đất là không có căn cứ, nên cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị S.

Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương cho rằng: Ngoài ông H thì ông T, bà T còn có những người con khác bao gồm: Ông Trần Công T (đã chết), ông Trần Công Đ (đã chết), bà Trần Thị N, bà Trần Thị H, bà Trần Thị T (đã chết) là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T. Năm 1991, bà T chết không để lại di chúc nên khối tài sản bà T để lại là di sản thừa kế của các đồng thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ những người thừa kế hàng thứ nhất của bà Nguyễn Thị T để xây dựng và triệu tập họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nguồn gốc nhà đất tranh chấp có liên quan đến bà T hay không. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất liên quan đến di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T, ông H và những người thừa kế khác, hiện nay tài sản là quyền sử dụng đất, bà S là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất nên các đương sự trong vụ án có quyền khởi kiện vụ án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của những người trên chưa bị xâm phạm nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kháng cáo của ông Trần Công X tại phiên tòa phúc thẩm, mà cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông X, một phần nội dung Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương sửa Bản án sơ thẩm theo hướng như đã phân tích ở trên.

[3] Về chi phí định giá và thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị S phải tự chịu số tiền 4.094.000 (Bốn triệu, không trăm, chín mươi tư ngàn) đồng tiền chi phí định giá và thẩm định tại (đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Ông Trần Công X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Công X. Chấp nhận một phần nội dung Quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương. Sửa Bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26, Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 255, 256, 631, 634, 635, Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 202, Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là bà Hoàng Thị S về việc yêu cầu ông Trần Công X trả lại thửa đất số 294, tờ bản số 24 có diện tích đo thực tế 992 m² và các tài sản nằm trên thửa đất số 294, tờ bản số 24, tại xóm 8, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: Hoàng Thị S phải chịu số tiền 4.094.000 đồng (Bốn triệu, không trăm, chín mươi tư ngàn đồng), tiền chi phí định giá và thẩm định tại (đã nộp đủ).

Về án phí: Ông Trần Công X, bà Nguyễn Thị Sợi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Thanh Chương;
- Chi Cục THADS H.Thanh Chương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân